

**QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN
SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 24 tháng 9 năm 2019 về việc các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 252/2019/TLST-DS ngày 16 tháng 9 năm 2019.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là hoàn toàn tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: bà Văn Thị Thanh T, sinh năm 1976; địa chỉ 24/3 khu phố 5, thị trấn B, huyện B, tỉnh B.

- *Bị đơn*: bà Trần Thị G, sinh năm 1949; địa chỉ ấp V, xã V, huyện B, tỉnh B.

Người đại diện theo uỷ quyền của bà G: bà Trần Thị H sinh năm 1976; địa chỉ ấp V, xã V, huyện B, tỉnh B.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Bà Trần Thị H sinh năm 1976; địa chỉ ấp V, xã V, huyện B, tỉnh B.

2. Ông Hồ Văn T, sinh năm 1978; địa chỉ ấp V, xã V, huyện B, tỉnh B.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Bà Trần Thị H và ông Hồ Văn T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Văn Thị Thanh T số tiền 147.000.000đ (một trăm bốn mươi bảy triệu đồng). Trong đó: tiền vốn 120.000.000đ (một trăm hai mươi triệu đồng), tiền lãi 27.000.000đ (hai mươi bảy triệu đồng). Thời gian trả số tiền 147.000.000đ (một trăm bốn mươi bảy triệu đồng) cụ thể như sau:

- Ngày 24/10/2019: trả 4.000.000đ (bốn triệu đồng);
- Ngày 24/11/2019: trả 4.000.000đ (bốn triệu đồng);
- Ngày 24/12/2019: trả 4.000.000đ (bốn triệu đồng);
- Ngày 24/01/2020: trả 4.000.000đ (bốn triệu đồng);
- Ngày 24/02/2020: trả 4.000.000đ (bốn triệu đồng);
- Ngày 24/3/2020: trả 4.000.000đ (bốn triệu đồng);

- Ngày 24/4/2020: trả 4.000.000đ (bốn triệu đồng);
- Ngày 24/5/2020: trả 4.000.000đ (bốn triệu đồng);
- Ngày 24/6/2020: trả 4.000.000đ (bốn triệu đồng);
- Ngày 24/7/2020: trả 4.000.000đ (bốn triệu đồng);
- Ngày 24/8/2020: trả 4.000.000đ (bốn triệu đồng);
- Ngày 24/9/2020: trả 4.000.000đ (bốn triệu đồng);
- Ngày 24/10/2020: trả 4.000.000đ (bốn triệu đồng);
- Ngày 24/11/2020: trả 4.000.000đ (bốn triệu đồng);
- Ngày 24/12/2020: trả 4.000.000đ (bốn triệu đồng);
- Ngày 24/01/2021: trả 4.000.000đ (bốn triệu đồng);
- Ngày 24/02/2021: trả 4.000.000đ (bốn triệu đồng);
- Ngày 24/3/2021: trả 4.000.000đ (bốn triệu đồng);
- Ngày 24/4/2021: trả 4.000.000đ (bốn triệu đồng);
- Ngày 24/5/2021: trả 4.000.000đ (bốn triệu đồng);
- Ngày 24/6/2021: trả 4.000.000đ (bốn triệu đồng);
- Ngày 24/7/2021: trả 4.000.000đ (bốn triệu đồng);
- Ngày 24/8/2021: trả 4.000.000đ (bốn triệu đồng);
- Ngày 24/9/2021: trả 4.000.000đ (bốn triệu đồng);
- Ngày 24/10/2021: trả 4.000.000đ (bốn triệu đồng);
- Ngày 24/11/2021: trả 4.000.000đ (bốn triệu đồng);
- Ngày 24/12/2021: trả 4.000.000đ (bốn triệu đồng);
- Ngày 24/01/2022: trả 4.000.000đ (bốn triệu đồng);
- Ngày 24/02/2022: trả 4.000.000đ (bốn triệu đồng);
- Ngày 24/3/2022: trả 4.000.000đ (bốn triệu đồng);
- Ngày 24/4/2022: trả 4.000.000đ (bốn triệu đồng);
- Ngày 24/5/2022: trả 4.000.000đ (bốn triệu đồng);
- Ngày 24/6/2022: trả 4.000.000đ (bốn triệu đồng);
- Ngày 24/7/2022: trả 4.000.000đ (bốn triệu đồng);
- Ngày 24/8/2022: trả 4.000.000đ (bốn triệu đồng);
- Ngày 24/9/2022: trả 4.000.000đ (bốn triệu đồng);
- Ngày 24/10/2022: trả 3.000.000đ (Ba triệu đồng);

Trường hợp bà H, ông T không trả số tiền đúng theo thời gian đã thỏa thuận nêu trên thì bà T được quyền yêu cầu thi hành án toàn bộ số tiền bà H và ông T có nghĩa vụ thanh toán kể cả các khoản tiền chưa tới hạn thanh toán theo thỏa thuận.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Sau khi bà H, ông T thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ đối với số tiền 147.000.000đ (một trăm bốn mươi bảy triệu đồng), bà T có nghĩa vụ trả lại cho bà Trần Thị G giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất 54, tờ bản đồ 3, diện tích 1709,4m² tọa lạc tại xã V, huyện B do bà Trần Thị G đứng tên quyền sử dụng đất, do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh B cấp vào ngày 07/11/2017.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch do hoà giải thành được giảm 50% (147.000.000đ x 2,5%) là 3.675.000 đồng chị H và anh T đồng ý liên đới nộp.

3. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch do hòa giải thành được giảm 50% (147.000.000đ x 2,5%): bà Trần Thị H và ông Hồ Văn T đồng ý liên đới nộp số tiền 3.675.00đ (Bêu sáu trăm bảy mươi lăm ngàn đồng).

Trả lại cho bà Văn Thị Thanh T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.675.00đ (Bêu sáu trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0006655 ngày 11/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện B;
- Chi Cục THADS huyện B;
- TAND tỉnh B;
- Lưu.

THẨM PHÁN

Đặng Thị Ngọc Duyên